

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 29/04/2021

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		PVD2+PVD3+RP3	7:25	20+2+0	0+0+0		19+0+3	0+0+0	
2		P7+AMD+TGT4	7:25	4+14+3	0+0+0		0+14+8	0+0+0	
3		VSP01+P2+P9	7:25	16+2+3	0+0+0		14+3+5	0+0+0	140KG HANG P9
4		P8+P6	7:25	18+4	0+0		18+4	0+0	
5		BK3+TTC2+AMD	9:25	1+6+11	0+0+0		0+5+17	0+0+0	
6		P7+BK21+VSP01	9:25	9+0+12	0+0+0		0+3+19	0+0+0	
7		P6	9:25	20	0		22	0	
8		TTC1+P8	9:25	12+9	0+0		12+10	0+0	
9		VSP01+PVD2+PVD3	11:25	11+10+0	0+0+0		7+13+2	0+0+0	

TTBDSX

Ghi Chú : Xem lịch bay sau 17h và mở rộng dòng này để xem tất cả các thông báo.
ĐI VỀ TRONG NGÀY PVD3- 2 NG

FLIGHT MANIFEST

DATE: 29/04/2021	TO: PVD2 - PVD3 - RP3	AIRCRAFT: 846	ETD: 07:30
FLIGHT: 01	FROM: VT	CREW: Phong - NPhú - DTùng	ETA: 09:20
XANH-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYEN VAN TIEN	PVD2	26	1	5		68	KHOAN	Vietnamese
2	NGUYEN BINH MINH	PVD2	24	1	5		70	KHOAN	Vietnamese
3	TERRY KENNETH CLEVELAND	PVD2	09-10	2	20		99	PVD.DD	British
4	VU HUNG MANH	PVD2	06	1	8		60	PVD.DD	Vietnamese
5	NGHIEM VU DAT	PVD2	07	1	8		66	PVD.DD	Vietnamese
6	DAU HOANG LONG	PVD2	25	1	5	25	65	PVDO	Vietnamese
7	NGUYEN DUC HUY	PVD2	18-19	2	13		82	INTERNATI	Vietnamese
8	MAI DONG DUY	PVD2	14	1	3		63	PVDO	Vietnamese
9	NGUYEN THE TRUONG	PVD2	23	1	6		73	PVDO	Vietnamese
10	DO QUANG DUNG	PVD2	20-21	2	16		78	PVDO	Vietnamese
11	NGO DINH SON	PVD2	08	1	7		60	PVDO	Vietnamese
12	HOANG TRUNG KIEN	PVD2	15	1	5		92	PVDO	Vietnamese
13	LE TIEN DUONG	PVD2	13	1	6		69	PVDO	Vietnamese
14	NGUYEN THANH NHAN	PVD2	04-05	2	5		59	PVDO	Vietnamese
15	PHAM QUYET THANG	PVD2	01-02	2	7		50	PVDO	Vietnamese
16	TRINH VAN BINH	PVD2	22	1	5		65	PVDO	Vietnamese
17	TRAN NAM THANG	PVD2	12	1	9		74	PVDO	Vietnamese
18	TRAN THE DANG	PVD2	03	1	8		86	PVDO	Vietnamese
19	NGUYEN VAN MINH	PVD2	11	1	8		80	PVDO	Vietnamese
20	TRAN QUOC DAI	PVD2	16-17	2	16		85	KH-THAC	Vietnamese
21	ABAKRH AVAKYAN	PVD3					100	KH-THAC	Russian
22	KRAPIVKA VADIM	PVD3	16	1	6		87	KH-THAC	Russian

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARIRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	PVD2	20	26	165	1.444	25	19		
2	PVD3	2	1	6	187	0	0		
3	RP3	0	0	0	0	87	3		100kg hay ve ho RP3
TOTAL		22	27	171	1.631	112	22		
WEIGHT KG				171	1.631	112			

GRAND TOAL: 1.914 KGS

VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 29/04/2021	FROM: VT	AIRCRAFT: 410	ETD: 07:35
FLIGHT: 02	TO: P7 - AMD - TGTH4	CREW: VThắng - XTrường - Vũ	ETA: 09:25
CAM-1			

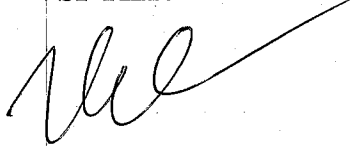
No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	TRẦN PHÚC NGUYỄN	P7	65	1	12		79	XAYLAP	Vietnamese
2	TRẦN VĂN DƯ	P7	68	1	6		55	XAYLAP	Vietnamese
3	TRẦN ĐỨC LỢI	P7	66	1	10	15	61	XAYLAP	Vietnamese
4	PHẠM ĐÌNH DUNG	P7	64	1	11		69	XAYLAP	Vietnamese
5	TRAN ANH QUAN	AMD	84	1	12		65	TLJOC	Vietnamese
6	PHAM VAN AN	AMD	88	1	9		70	HLJOC	Vietnamese
7	TRAN NAM TRUNG	AMD	95	1	9		75	HLJOC	Vietnamese
8	DƯƠNG NHẬT QUANG	AMD	92	1	7		63	KH-THAC	Vietnamese
9	DƯƠNG CHÍ PHONG	AMD	85	1	4		67	KH-THAC	Vietnamese
10	ĐÌNH TRƯỜNG PHI	AMD	96	1	10		71	KH-THAC	Vietnamese
11	TRẦN TRUNG KIẾN	AMD	89	1	7		81	KH-THAC	Vietnamese
12	LÊ ANH MINH	AMD	94	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
13	PHẠM VĂN QUANG	AMD	83	1	5		71	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYỄN HỮU LUẬT	AMD	93	1	4		70	KH-THAC	Vietnamese
15	HOANG NAM HAI	AMD	87	1	12		90	KH-THAC	Vietnamese
16	ĐOÀN VĂN THUẬN	AMD	86	1	6		68	KH-THAC	Vietnamese
17	ĐÀO ĐỨC HUY	AMD	82	1	11		66	KH-THAC	Vietnamese
18	PHẠM TUẤN ANH	AMD	90-91	2	9		70	KH-THAC	Vietnamese
19	LÊ THANH DANH	TGTH4	21	1	7		70	KH-THAC	Vietnamese
20	LÊ VĂN TỰ	TGTH4	24	1	10		62	KH-THAC	Vietnamese
21	NGUYỄN ĐÌNH CỬ	TGTH4	22-23	2	20		61	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

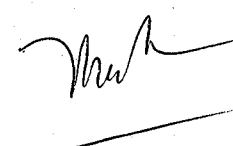
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P7	4	4	39	264	15	0		
2	AMD	14	15	110	992	0	14		
3	TGTH4	3	4	37	193	0	8		
TOTAL		21	23	186	1.449	15	22		
WEIGHT KG				186	1.449	15			

GRAND TOAL: 1.650 KGS

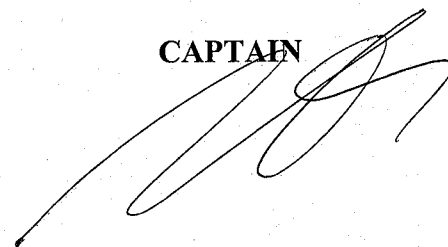
VSP REP.



VNHS REP.



CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST

DATE: 29/04/2021	FROM: VT	AIRCRAFT: 428	ETD: 07:40
FLIGHT: 03	TO: VSP01 - P2 - P9	CREW: Hạnh - ĐNam - HIẾU	ETA: 09:30
VANG-1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	TRUBOCHKIN	VSP01	90	1	4	15	79	KH-THAC	Russian
2	BORVINSKY	VSP01	95	1	10	15	85	KH-THAC	Russian
3	NGUYỄN VĂN LINH	VSP01	97-98	2	13		47	YTE	Vietnamese
4	PHẠM VĂN ĐỨC	VSP01	86	1	5		64	KH-THAC	Vietnamese
5	VÕ QUANG HUY	VSP01	92-93	2	15		75	KH-THAC	Vietnamese
6	PHAN VĂN SƠN	VSP01	83	1	3		71	KH-THAC	Vietnamese
7	TRẦN VĂN CHÂU	VSP01	88	1	2		56	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYỄN THANH TÙNG	VSP01	91	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYỄN THUẬN HAI	VSP01	700	1	3		52	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYỄN VĂN THANH	VSP01	96	1	4		75	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYỄN MẠNH TUẤN	VSP01	94	1	9		67	KH-THAC	Vietnamese
12	HOÀNG PHÚC LƯƠNG	VSP01					71	KH-THAC	Vietnamese
13	ĐẶNG ĐỨC ANH	VSP01					73	KH-THAC	Vietnamese
14	TÔ HÙNG DŨNG	VSP01	84-85	2	14		72	KH-THAC	Vietnamese
15	PHAN VĂN TRƯỞNG	VSP01	89	1	5		55	KH-THAC	Vietnamese
16	HUỖNH HAI	VSP01	87	1	3		88	KH-THAC	Vietnamese
17	NGUYỄN QUANG TÂN	P2	02	1	3	22	59	PSV	Vietnamese
18	HOÀNG NGỌC ANH CHIẾN	P2	01	1	4		66	KH-THAC	Vietnamese
19	NGUYỄN HUY HOÀNG	P9	47	1	7	111	72	CODIEN	Vietnamese
20	TRẦN ĐÌNH ĐIẾP	P9	48	1	6	28	74	CODIEN	Vietnamese
21	NGUYỄN VĂN QUANG	P9	46	1	6		57	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	VSP01	16	17	95	1.100	30	14		
2	P2	2	2	7	125	22	3		
3	P9	3	3	19	203	139	5		
TOTAL		21	22	121	1.428	191	22		
WEIGHT KG				121	1.428	191			

GRAND TOAL: 1.740 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 29/04/2021	FROM: VT	AIRCRAFT: 416	ETD: 07:50
FLIGHT: 04	TO: P8 - P6	CREW: LHM - ĐỨC - ĐANG	ETA: 09:40
TRANG-1A			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	LAZAREV	P8	56	1	9		83	KH-THAC	Russian
2	NGUYEN KIM SON	P8	37	1	5		68	KH-THAC	Vietnamese
3	PHAM VAN ĐÔNG	P8	57	1	5		84	YTE	Vietnamese
4	LÊ TRƯƠNG SA	P8	51	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
5	PHẠM PHƯƠNG NAM	P8	61	1	4		55	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYỄN VIỆT PHƯƠNG	P8	54	1	5		80	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYỄN VĂN NHAN	P8					60	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYỄN ĐỨC THẮNG	P8	67-68	2	7		70	KH-THAC	Vietnamese
9	ĐÀO TIỀN ĐẠT	P8	58-59	2	16		75	KH-THAC	Vietnamese
10	PHAN THANH NAM	P8	60	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
11	LÊ NGUYỄN NHẬT LINH	P8					85	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYỄN QUỐC TẠNH	P8	49	1	4		60	KH-THAC	Vietnamese
13	TRẦN ANH TRI	P8	48	1	5		60	KH-THAC	Vietnamese
14	THAI QUÂN	P8	53	1	5		60	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYỄN VINH DŨNG	P8	64-65	2	5		72	KH-THAC	Vietnamese
16	PHÙNG HÀ TÀI	P8	62-63	2	11		98	KH-THAC	Vietnamese
17	ĐÀO NGUYỄN HÙNG	P8	50	1	4		70	KH-THAC	Vietnamese
18	NGUYỄN TRI HÙNG	P8	55	1	3		73	KH-THAC	Vietnamese
19	CHERNIAVSKIY D S	P6	19	1	10		105	KH-THAC	Russian
20	PIATOV S.V	P6	20	1	8	35	91	KH-THAC	Russian
21	HÀ DUY ĐÔNG	P6					88	KH-THAC	Vietnamese
22	LÊ ĐẠI THANH	P6	21	1	8		63	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P8	18	20	98	1.288	0	18		
2	P6	4	3	26	347	35	4		
TOTAL		22	23	124	1.635	35	22		
WEIGHT KG				124	1.635	35			

GRAND TOTAL: 1.794 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 29/04/2021	TO: BK3 - TTC2 - AMD	AIRCRAFT: 846	ETD: 09:50
FLIGHT: 05	FROM: VT	CREW: Phong - NPhú - DTùng	ETA: 11:40
HONG-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	BUI VAN THANH	BK3	93	1	10	30	58	KH-THAC	Vietnamese
2	TRAN QUANG HUY	TTC2	57	1	5		60	KH-THAC	Vietnamese
3	PHUNG MINH HIEU	TTC2	58	1	3		74	KH-THAC	Vietnamese
4	BUI VAN TUAN	TTC2					50	KH-THAC	Vietnamese
5	LE PHUONG	TTC2	19,59-60	3	11	30	55	KH-THAC	Vietnamese
6	LE DUC HUY	TTC2	55-56	2	15		64	T-TIN	Vietnamese
7	PHAN TRONG MINH	TTC2	54	1	3		68	PSV	Vietnamese
8	TRAN DUC TRUNG	AMD	35	1	5		57	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYEN VAN DAN	AMD	34	1	6		63	KH-THAC	Vietnamese
10	HOANG DINH VINH	AMD	36-37	2	15		69	KH-THAC	Vietnamese
11	LA NGOC MANH	AMD	39	1	5		62	KH-THAC	Vietnamese
12	TRAN DUC CUONG	AMD	38	1	6		66	KH-THAC	Vietnamese
13	TRAN VAN THUY	AMD	41	1	5		73	KH-THAC	Vietnamese
14	HOANG VAN SAU	AMD	33	1	5		58	KH-THAC	Vietnamese
15	PHAM THE PHONG	AMD	44	1	7		65	KH-THAC	Vietnamese
16	LE VAN THIEN	AMD	40	1	6		68	PSV	Vietnamese
17	PHAM VAN TUAN	AMD	43	1	5		82	PSV	Vietnamese
18	LE DAC DONG	AMD	42	1	4		55	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	BK3	1	1	10	58	30	0		
2	TTC2	6	8	37	371	30	5		
3	AMD	11	12	69	718	0	17		
	TOTAL	18	21	116	1.147	60	22		
	WEIGHT KG			116	1.147	60			

GRAND TOAL: 1.323 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 29/04/2021	FROM: VT	AIRCRAFT: 410	ETD: 09:55
FLIGHT: 06	TO: P7 - BK21 - VSP01	CREW: VThắng - XTrường - Vũ	ETA: 11:45
CAM-2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYEN NGOC TRUONG	P7	93	1	19		55	XAYLAP	Vietnamese
2	DO NGOC SON	P7	66	1	17		84	XAYLAP	Vietnamese
3	NGUYEN XUAN HUNG	P7	67-68	2	20		55	XAYLAP	Vietnamese
4	VU VAN TRUNG	P7	90-91	2	17		70	XAYLAP	Vietnamese
5	DOAN CONG MANH	P7	94-95	2	15		71	XAYLAP	Vietnamese
6	VU TUAN ANH	P7	96	1	12	14	75	XAYLAP	Vietnamese
7	TRAN QUOC THINH	P7	99,92	2	12		55	XAYLAP	Vietnamese
8	TRAN MANH CUONG	P7	592	1	13	25	75	XAYLAP	Vietnamese
9	NGUYEN CAO CUONG	P7	98	1	7		68	XAYLAP	Vietnamese
10	PHAN THANH HA	VSP01				40	70	KH-THAC	Vietnamese
11	TRAN VAN THUY	VSP01	93	1	7		62	KH-THAC	Vietnamese
12	LE THANH TUAN	VSP01	90	1	6		75	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYEN TRONG NAM	VSP01	87	1	8		86	KH-THAC	Vietnamese
14	DO DINH VAN	VSP01					69	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYEN DUY DONG	VSP01	86	1	6		74	KH-THAC	Vietnamese
16	PHAN THANH LOI	VSP01	92	1	5		81	KH-THAC	Vietnamese
17	NGUYEN XUAN THUY	VSP01	85	1	5		64	KH-THAC	Vietnamese
18	NGUYEN DUC THIEN	VSP01	91	1	7		67	KH-THAC	Vietnamese
19	NGUYEN HUU TOAN	VSP01					81	KH-THAC	Vietnamese
20	NGUYEN QUOC TUAN	VSP01	88	1	8		69	KH-THAC	Vietnamese
21	ARTIUSHIN	VSP01	89	1	11		94	ANTOAN	Russian

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P7	9	13	132	608	39	0		
2	BK21	0	0	0	0	0	3		
3	VSP01	12	9	63	892	40	19		
TOTAL		21	22	195	1.500	79	22		
WEIGHT KG				195	1.500	79			

GRAND TOAL: 1.774 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 29/04/2021	TO: P6	AIRCRAFT: 428	ETD: 10:00
FLIGHT: 07	FROM: VT	CREW: Hạnh - ĐNam - HIẾU	ETA: 11:40
TRANG-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	HOANG TIEN DUNG	P6	05	1	7		80	KH-THAC	Vietnamese
2	ĐẶNG THỌ TÂM	P6	03	1	6		64	KH-THAC	Vietnamese
3	VU VAN HOAN	P6	02	1	3		75	KH-THAC	Vietnamese
4	PHUONG VAN MINH	P6	50	1	5		80	KH-THAC	Vietnamese
5	THAI TRỌNG BÌNH	P6	06	1	12		82	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYEN HUU NHAN	P6	17	1	15		70	KH-THAC	Vietnamese
7	ĐO VĂN TÙNG	P6	04	1	3		60	KH-THAC	Vietnamese
8	TRẦN HUY THAI	P6	46	1	5		80	KH-THAC	Vietnamese
9	DƯƠNG VĂN CUÔNG	P6	26	1	4		82	KH-THAC	Vietnamese
10	HOANG THAI ANH	P6	48	1	3		78	KH-THAC	Vietnamese
11	LÊ QUANG MINH	P6					79	KH-THAC	Vietnamese
12	LÊ QUANG HUY	P6	47	1	11		66	KH-THAC	Vietnamese
13	TRẦN BUI TOAN	P6	25	1	3		59	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYEN VAN HUNG	P6	08-09	2	9		66	KH-THAC	Vietnamese
15	TRẦN XUÂN KHANH	P6	07	1	2		62	KH-THAC	Vietnamese
16	CHU ĐỨC HUNG	P6	52-53	2	9		58	KH-THAC	Vietnamese
17	NGUYEN HOANG ĐAN	P6	01	1	7		66	KH-THAC	Vietnamese
18	PHẠM NGỌC QUY	P6	51	1	12		75	KH-THAC	Vietnamese
19	NGUYEN DUY KHANG	P6	49	1	5		75	YTE	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P6	19	20	121	1.357	0	22		
	TOTAL	19	20	121	1.357	0	22		
	WEIGHT KG			121	1.357	0			

GRAND TOAL: 1.478 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 29/04/2021	FROM: VT	AIRCRAFT: 416	ETD: 10:05
FLIGHT: 08	TO: TTC1 - P8	CREW: LHM - ĐỨC - ĐANG	ETA: 11:55
VANG-2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	TRẦN TRUNG HIẾU	TTC1	95	1	6		70	KH-THAC	Vietnamese
2	NGUYỄN NHẬT THÀNH	TTC1	87	1	5		63	KH-THAC	Vietnamese
3	NGUYỄN SƠN TÙNG	TTC1	89	1	5		72	KH-THAC	Vietnamese
4	PHẠM VĂN KHUÔNG	TTC1	92-93	2	14		69	KH-THAC	Vietnamese
5	VŨ HỮU CHÍNH	TTC1	96	1	11		61	KH-THAC	Vietnamese
6	LÊ HUY MẠNH	TTC1	99	1	11		80	KH-THAC	Vietnamese
7	VŨ ĐÌNH ĐẠI	TTC1	97-98	2	18		68	KH-THAC	Vietnamese
8	VŨ ĐOÀN HÙNG	TTC1	91	1	6		70	KH-THAC	Vietnamese
9	VŨ ĐÌNH LỢI	TTC1	94	1	10		58	KH-THAC	Vietnamese
10	TRẦN VĂN LÊ	TTC1	90	1	10		65	KH-THAC	Vietnamese
11	TÀ TRUNG DŨNG	TTC1	22	1	10		92	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYỄN VĂN HÙNG	TTC1	88	1	8		73	GETRACO	Vietnamese
13	TRẦN HOANG GIANG	P8	08	1	8		70	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYỄN TIẾN VŨ	P8	09	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
15	ĐỖ VĂN MINH	P8	02	1	6		63	KH-THAC	Vietnamese
16	DƯƠNG TRI NAM	P8					80	KH-THAC	Vietnamese
17	NGUYỄN TRỌNG HIẾU	P8	03	1	3		65	PSV	Vietnamese
18	HỒ TRỌNG BĂNG	P8	06	1	8		79	PSV	Vietnamese
19	NGUYỄN THANH TÙNG	P8	07	1	8		72	PSV	Vietnamese
20	LÊ TIẾN QUY	P8	04	1	7		72	PSV	Vietnamese
21	TRẦN MẠNH CUÔNG	P8	05	1	8		54	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TTC1	12	14	114	841	0	12		
2	P8	9	8	53	620	0	10		
	TOTAL	21	22	167	1.461	0	22		
	WEIGHT KG			167	1.461	0			

GRAND TOAL: 1.628 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 29/04/2021	FROM: VT	AIRCRAFT: 846	ETD: 11:50
FLIGHT: 09	TO: VSP01 - PVD2 - PVD3	CREW: Phong - VLinH - MQUÂN	ETA: 13:40
XANH-3			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	TÔ VĂN ĐỨC	VSP01	02	1	5		63	VTB	Vietnamese
2	SEREBROV	VSP01					85	VTB	Russian
3	PLOKHOTNHIUK	VSP01	01	1	4		86	VTB	Russian
4	NGUYỄN ĐỨC THƯỜNG	VSP01	65	1	7		60	PSV	Vietnamese
5	PHẠM HUY ĐÀU	VSP01	98	1	4		67	PSV	Vietnamese
6	NGUYỄN THANH SỰ	VSP01	62-63	2	19		65	PSV	Vietnamese
7	NGUYỄN MẠNH THĂNG	VSP01	99	1	5		61	PSV	Vietnamese
8	LÊ ĐỨC CUÔNG 1967	VSP01	700	1	5		56	PSV	Vietnamese
9	NGUYỄN THANH TÊ	VSP01					78	PSV	Vietnamese
10	BUI ĐỨC ANH	VSP01	97	1	7		74	PSV	Vietnamese
11	LÊ VIỆT HÙNG	VSP01	64	1	6		70	PSV	Vietnamese
12	TRINH HỮU CÂN	PVD2	33	1	15	18	76	KH-THAC	Vietnamese
13	VŨ ĐỨC SANG	PVD2	34	1	12		66	KH-THAC	Vietnamese
14	VŨ ANH TUÂN	PVD2	36	1	10		70	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYỄN XUÂN LỘC	PVD2	29-30	2	20		60	XAYLAP	Vietnamese
16	BUI XUAN DIEP	PVD2	31	1	7		67	PSV	Vietnamese
17	NGUYỄN QUỐC HUY	PVD2	35	1	9		54	PSV	Vietnamese
18	DOAN VAN AN	PVD2	28	1	4		72	PSV	Vietnamese
19	NGUYỄN TÂN VUÔNG	PVD2	32	1	7		71	PSV	Vietnamese
20	THAI MINH TÂN	PVD2	37-38	2	15		88	KHANH LI	Vietnamese
21	NGUYỄN MINH TAM	PVD2	39-40	2	8	26	60	KHANH LI	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	VSP01	11	10	62	765	0	7		
2	PVD2	10	13	107	684	44	13		
3	PVD3	0	0	0	0	0	2		
TOTAL		21	23	169	1.449	44	22		
WEIGHT KG				169	1.449	44			

GRAND TOAL: 1.662 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN